

**CHỦ ĐỀ 1. QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ 1945-2000**

- Câu 1.** Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai
- A. đã hoàn toàn kết thúc.
  - B. bước vào giai đoạn kết thúc.
  - C. đang diễn ra vô cùng ác liệt.
  - D. bùng nổ và ngày càng lan rộng.
- Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không** có trong "Trật tự 2 cực Ianta" ?
- A. Trật tự thế giới mới hình thành sau CTTG II.
  - B. Trật tự thế giới mới hình thành sau Hội nghị Ianta.
  - C. Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế.
  - D. Liên Xô và Mĩ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.
- Câu 3.** Theo thỏa thuận của các nước cường quốc tại Hội nghị Ianta (2/1945), các nước Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của
- A. Nhật Bản.
  - B. Các nước phương Tây.
  - C. Liên Xô.
  - D. Mĩ
- Câu 4.** Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới xác lập sau chiến tranh thế giới thứ hai là
- A. một thế giới hoàn toàn do CNTB thao túng.
  - B. một trật tự có sự phân tuyến triệt để giữa hai phe TBCN - XHCN.
  - C. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở những nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước tư bản.
  - D. một trật tự được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận hợp tác để thống trị, bóc lột các nước bại trận, các dân tộc thuộc địa
- Câu 5.** Ngày 24-10-1945, sau khi Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, bản Hiến chương của Liên hợp quốc
- A. được bổ sung, hoàn chỉnh.
  - B. chính thức được công bố.
  - C. chính thức có hiệu lực.
  - D. được chính thức thông qua.
- Câu 6.** Hiến chương Liên hợp quốc nêu rõ mục đích cơ bản của tổ chức này là
- A. cứu trợ, giúp đỡ các nước về vấn đề nhân đạo.
  - B. duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
  - C. giải quyết các tranh chấp xung đột quốc tế.
  - D. cùng chung sống hòa bình giữa các nước. (Nhiệm vụ quan trọng nhất của tổ chức Liên Hiệp quốc là gì)
- Câu 7.** Một trong những nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc là
- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
  - B. can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.
  - C. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
  - D. thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác hữu nghị.
- Câu 8.** Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào sau đây của Liên Hợp Quốc để giải quyết vấn đề Biển Đông?
- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
  - B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).
  - C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
  - D. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Câu 9.** Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 80 của thế kỷ XX là)
- A. Xung đột sắc tộc, dân tộc liên tiếp xảy ra
  - B. Chiến tranh lạnh.
  - C. Sự liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
  - D. Sự phân chia giàu nghèo giữa các nước
- Câu 10.** Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ?
- A. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Toruman" và "Chiến tranh lạnh"
  - B. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử
  - C. Sự ra đời của khối NATO
  - D. Sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- Câu 11.** Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (Liên Xô)?
- A. Kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai để tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
  - B. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc.
  - C. Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận,
  - D. Giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm.
- Câu 12.** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc "Chiến tranh lạnh"?
- A. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mỹ.
  - B. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.
  - C. Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Macsơn.
  - D. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudơven.
- Câu 13.** Cuộc "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động chủ yếu nhằm mục đích gì?
- A. Khẳng định vị trí siêu cường của Mĩ.
  - B. Can thiệp vũ trang vào nhiều nơi trên thế giới.
  - C. Chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa
  - D. Đưa Mỹ trở thành bá chủ thế giới.
- Câu 14.** Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự đối đầu Đông- Tây và cuộc Chiến tranh lạnh là
- A. Do sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa
  - B. Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược
  - C. Do tham vọng bá chủ thế giới của Mĩ
  - D. Do sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới
- Câu 15.** Cuộc Chiến tranh lạnh do Mỹ phát động chống Liên Xô là cuộc chiến
- A. không tiếng súng nhưng đặt thế giới trong tình trạng căng thẳng.
  - B. giành thị trường quyết liệt giữa Mỹ và Liên Xô.
  - C. với những xung đột trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô.
  - D. không hồi kết về quân sự và ý thức hệ giữa Mỹ và Liên Xô.
- Câu 16.** Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế trong thời kì Chiến tranh lạnh là
- A. đối lập gay gắt giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô.
  - B. tránh xung đột trực tiếp quân sự giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô.
  - C. đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa
  - D. vừa hợp tác vừa cạnh tranh giữa tất cả các quốc gia
- Câu 17.** Sự khác biệt cơ bản giữa "chiến tranh lạnh" và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua:
- A. Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng
  - B. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mĩ
  - C. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.
  - D. Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại
- Câu 18.** Mĩ thực hiện "Kế hoạch Mácson" (6 - 1947) nhằm mục đích gì?
- A. Tập hợp các nước Đông Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Tây Âu.
  - B. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
  - C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
  - D. Thực hiện cam kết của Mĩ đối với đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Câu 19.** Chiến tranh lạnh bao trùm toàn bộ thế giới được đánh dấu bằng những sự kiện nào?
- A. "Kế hoạch Mácson" và sự ra đời của khối quân sự NATO.
  - B. Sự ra đời của khối SEV và Tổ chức Hiệp ước Vácava.
  - C. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vácava
  - D. Mĩ thông qua "Kế hoạch Mácson" và thành lập NATO.

**Câu 20.** Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất mang lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc chiến tranh lạnh là?

**A.** Các nước ráo riết, tăng cường chạy đua vũ trang .

**B.** Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

**C.** Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu .

**D.** Các nước phải chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt.

**Câu 21.** Đặc trưng nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000?

**A.** Xu thế toàn cầu hoá.

**B.** Quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp, đa dạng và được mở rộng

**C.** Cục diện hai phe, hai cực

**D.** Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới

**Câu 22.** Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, tình hình quan hệ quốc tế đã có chuyển biến gì?

**A.** Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

**B.** Tiếp tục đối đầu căng thẳng

**C.** Xu hướng hòa hoãn xuất hiện.

**D.** Thiết lập quan hệ đồng minh

**Câu 23.** Sự cải thiện quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc đầu thập niên 70 của thế kỷ XX là biểu hiện của việc Mỹ

**A.** từng bước khống chế và chi phối hai cường quốc xã hội chủ nghĩa.

**B.** điều chỉnh chính sách đối ngoại trong thời kỳ Chiến tranh lạnh.

**C.** củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.

**D.** tranh thủ sự ủng hộ của hai nước nhằm giải quyết vấn đề Campuchia.

**Câu 24.** Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972) có tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

**A.** Làm giảm đi rõ rệt tình hình căng thẳng ở châu Âu.

**B.** Làm cho tình hình châu Âu vô cùng căng thẳng.

**C.** Làm giảm đi tình hình căng thẳng ở châu Á-Thái Bình Dương.

**D.** Đẩy mạnh sự hợp tác giữa Mỹ - Tây Âu.

**Câu 25.** Sự kiện 33 nước châu Âu cùng Mỹ và Canada kí kết định ước Henxinki (1975) có tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

**A.** Mở ra chiều hướng và điều kiện giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp.

**B.** Tình trạng đối đầu giữa phe TBCN và XHCN ngày càng phát triển.

**C.** Đánh dấu sự chấm dứt đòi đầu giữa Đông Âu XHCN và Tây Âu TBCN ở châu Âu.

**D.** Mỹ củng cố quan hệ với các nước phương Tây để chống lại các nước XHCN.

**Câu 26.** Tháng 8 - 1975, 33 nước châu Âu cùng với Mỹ và Canada kí Định ước Henxinki **không** nhằm mục đích nào sau đây?

**A.** Hợp tác giữa các nước trên lĩnh vực khoa học - kĩ thuật.

**B.** Hợp tác giữa các nước trên lĩnh vực kinh tế.

**C.** Đảm bảo vấn đề an ninh châu Âu.

**D.** Ngăn chặn sự thống nhất nước Đức.

**Câu 27.** Tháng 12-1989, những người đứng đầu hai nước Mỹ và Liên Xô chính thức cùng tuyên bố

**A.** bình thường hóa quan hệ.

**B.** chấm dứt Chiến tranh lạnh.

**C.** không phổ biến vũ khí hạt nhân.

**D.** cắt giảm vũ khí chiến lược.

**Câu 28.** Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Liên Xô và Mỹ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (tháng 12 - 1989) là

**A.** nền kinh tế hai nước đều lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.

**B.** sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước trên nhiều mặt.

**C.** phạm vi ảnh hưởng của Mỹ bị mất, của Liên Xô bị thu hẹp.

D. trật tự hai cực lanta bị xói mòn và sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 29.** Trật tự thế giới hai cực lanta sụp đổ, trật tự thế giới mới được hình thành theo xu hướng nào?

A. Đa cực. B. Một Cực. C. Một cực nhiều trung tâm. **D. Đa cực nhiều trung tâm.**

**Câu 30.** Sau khi "Chiến tranh lạnh" chấm dứt, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?

A. Đa cực. B. Một cực nhiều trung tâm.  
C. Đa cực nhiều trung tâm. **D. Đơn cực.**

**Câu 31.** Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX là

A. các khối quân sự đối lập. **B. xu thế toàn cầu hóa**  
C. các liên minh kinh tế. D. Chiến tranh lạnh.

**Câu 32.** Bước vào thế kỉ XXI xu thế chung của thế giới ngày nay là gì?

A. Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.  
B. Cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.  
C. Hòa nhập nhưng không hòa tan.  
**D. Hòa bình ổn định và hợp tác phát triển.**

**Câu 33.** Chiến tranh lạnh chấm dứt có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình thế giới?

A. Mở ra chiều hướng và điều kiện cho Liên Xô và Mĩ phát triển kinh tế.  
B. Phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.  
**C. Nhiều cuộc xung đột, tranh chấp được giải quyết bằng thương lượng hòa bình.**  
D. Cuộc đua tranh giữa các cường quốc nhằm thiết lập trật tự "đa cực" diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 34.** Sau chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào

**A. Phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia**  
B. Phát triển văn hóa để giữ gìn bản sắc dân tộc.  
C. Phát triển chính trị để ổn định đất nước.  
D. Phát triển giáo dục để nâng cao trình độ dân trí.

**Câu 35.** Chiến tranh lạnh kết thúc đã

A. giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự chi phối của Liên Xô và Mỹ.  
B. tạo điều kiện tiên quyết cho các nước Đông Dương hội nhập quốc tế.  
C. giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự lệ thuộc vào nguồn viện trợ từ bên ngoài.  
**D. thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác giữa các nước Đông Dương với các nước khác.**

**Câu 36.** Một trong những yếu tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới giai đoạn sau Chiến tranh lạnh là

A. sự xuất hiện và ngày càng mở rộng của các công ty độc quyền.  
B. quá trình hình thành các trung tâm kinh tế - tài chính Tây Âu và Nhật Bản.  
C. sự xuất hiện và chi phối nền kinh tế thế giới của tư bản tài chính.  
**D. sự phát triển của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.**

**Câu 37.** Thách thức lớn nhất của thế giới trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI là gì?

A. Chiến tranh xung đột ở nhiều nơi.  
B. Nguy cơ cạn kiệt về tài nguyên thiên nhiên.  
**C. Chủ nghĩa khủng bố hoành hành.**  
D. Tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

**Câu 38.** Bước sang thế kỉ XXI, sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, đã tạo ra cho Việt Nam thời cơ gì để phát triển kinh tế?

A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.  
B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.  
**C. Thu hút vốn đầu tư, học hỏi kinh nghiệm quản lý và chuyển giao công nghệ**  
D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường

**CHỦ ĐỀ 2. CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - XU THẾ TOÀN CẦU HÓA**

- Câu 1.** Nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ nửa sau thế kỷ XX là:
- A.** do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu con người.
  - B.** do cần khôi phục nền kinh tế thế giới bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng.
  - C.** do cần khắc phục sự lạc hậu về kỹ thuật trong sản xuất.
  - D.** do thế giới hình thành 2 cực, 2 phe nên tăng cường đầu tư phát triển khoa học - kỹ thuật.
- Câu 2.** Cuộc Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai đã diễn ra vào thời gian?
- A.** Thế kỉ XVII.
  - B.** Từ giữa thế kỉ XVIII.
  - C.** Từ những năm 40 của thế kỉ XX.
  - D.** Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- Câu 3.** Cuộc cách mạng khoa học-công nghệ thế kỉ XX có điểm khác biệt cơ bản so với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII-XIX đó là: mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ
- A.** thực tiễn.
  - B.** sản xuất.
  - C.** nhu cầu của chiến tranh.
  - D.** nghiên cứu khoa học.
- Câu 4.** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
- A.** kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
  - B.** khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
  - C.** sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.
  - D.** mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.
- Câu 5.** Trong giai đoạn thứ hai (từ thập niên 70 thế kỷ XX), cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật là gì?
- A.** Khoa học - Công nghệ
  - B.** Cách mạng khoa học cơ bản.
  - C.** Kĩ thuật
  - D.** Cách mạng kĩ thuật
- Câu 6.** Sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng gì?
- A.** Sự chảy máu chất xám
  - B.** Sự đầu tư vào ngành khoa học cho lãi cao.
  - C.** Sự bùng nổ thông tin.
  - D.** Nhiều người đầu tư vào phát minh sáng chế.
- Câu 7.** Ý nghĩa then chốt của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là
- A.** đưa loài người sang nền văn minh trí tuệ.
  - B.** sự giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.
  - C.** tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.
  - D.** thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất
- Câu 8.** Hệ quả tất yếu của cách mạng khoa học - công nghệ giai đoạn từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX đến nay là
- A.** xu thế toàn cầu hóa
  - B.** những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư.
  - C.** sự ra đời của thế hệ máy tính điện tử.
  - D.** xuất hiện những phát minh trong lĩnh vực công nghệ.
- Câu 9.** Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện từ khi nào?
- A.** Từ thập niên 40 của thế kỷ XX.
  - B.** Từ thập niên 70 của thế kỷ XX.
  - C.** Từ thập niên 80 của thế kỷ XX.
  - D.** Từ đầu thế kỷ XXI.
- Câu 10.** Xét về bản chất, toàn cầu hoá là:
- A.** Xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược được, làm cho mọi mặt đời sống của con người kém an toàn hơn.
  - B.** Kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.
  - C.** Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

**D.** Sự phát triển nhanh chóng các mối quan hệ thương mại, là sự phụ thuộc lẫn nhau trên phạm vi toàn cầu.

**Câu 11.** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A.** sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ.
- B.** sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- C.** sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.
- D.** sự phát triển và những tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

**Câu 12.** Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A.** Các quốc gia trên thế giới tăng cường chạy đua vũ trang.
- B.** Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- C.** Quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng.
- D.** Các quốc gia ra sức phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ.

**Câu 13.** Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của yếu tố nào?

- A.** Quá trình thống nhất thị trường thế giới.
- B.** Sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- C.** Sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.
- D.** Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

**Câu 14.** Một trong những hệ quả tích cực của toàn cầu hóa là

- A.** giải quyết triệt để những bất công xã hội.
- B.** thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- C.** giải quyết căn bản sự phân hóa giàu nghèo.
- D.** giúp các nước giữ nguyên cơ cấu kinh tế.

**Câu 15.** Mặt tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa là

- A.** thúc đẩy rất nhanh, rất mạnh quá trình xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
- B.** đòi hỏi phải tiến hành cải cách sâu rộng.
- C.** mọi mặt hoạt động và đời sống con người kém an toàn.
- D.** góp phần làm chuyển biến cơ cấu kinh tế.

**Câu 16.** Một trong những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa là

- A.** tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.
- B.** hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.
- C.** kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- D.** hạn chế sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

**Câu 17.** "Sau chiến tranh lạnh" dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, các nước ra sức điều chỉnh chiến lược với việc

- A.** lấy chính trị làm trọng điểm.
- B.** lấy kinh tế làm trọng điểm.
- C.** lấy quân sự làm trọng điểm.
- D.** lấy văn hóa - giao dục làm trọng điểm.

**Câu 18.** Thách thức lớn nhất của Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì?

- A.** Sử dụng chưa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.
- B.** Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường thế giới.
- C.** Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.
- D.** Sự chênh lệch về trình độ.

**Câu 19.** Trước xu thế tất yếu, khách quan không thể đảo ngược của toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải

- A.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B.** ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học – kĩ thuật.
- C.** sử dụng hiệu quả nguồn vốn và kĩ thuật bên ngoài.
- D.** nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức.

**Câu 20.** Cơ hội lớn nhất của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hóa là gì?

- A.** Tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài.
- B.** Tiếp thu thành tựu cách mạng Khoa học – công nghệ.
- C.** Xuất khẩu được nhiều hàng nông sản.
- D.** Nhập khẩu hàng hóa giá rẻ.

### **CHỦ ĐỀ 3. LIÊN XÔ –LIÊN BANG NGA - ĐÔNG ÂU**

#### **1. Các thời kỳ của Liên Xô: 1945-2000**

- (1945 - 1950): Khôi phục kinh tế

- (1950 – nửa đầu thập niên 70): LX trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới ( Sau Mỹ), đi đầu thế giới nhiều ngành công nghiệp như: công nghiệp vũ trụ, nghiệp điện hạt nhân.

Năm 1957, LX là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961 LX đã phóng tàu vũ trụ đưa con người bay vòng quanh trái đất.

- Nửa đầu thập niên 70 - 1991; Khủng hoảng, sụp đổ

-1991 – 1995 (LB Nga): Tăng trưởng âm

- 1996 – 2000: bắt đầu phục hồi, phát triển

#### **2. Chính sách đối ngoại:**

- Duy trì hòa bình thế giới.

- Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

- Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 1.** Nguyên nhân trực tiếp đòi hỏi Liên Xô phải bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế trong những năm 1945 - 1950 là?

**A. Liên Xô nhanh chóng khôi phục đất nước bị chiến tranh tàn phá.**

**B. Tiến hành công cuộc xây dựng CNXH đã bị gián đoạn từ năm 1941.**

**C. Xây dựng nền kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh với Mỹ.**

**D. Đưa Liên Xô trở thành cường quốc thế giới.**

**Câu 2.** Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu khoa học - kỹ thuật nào dưới đây?

**A. Phóng tàu vũ trụ Phương Đông.**

**B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.**

**C. Chế tạo thành công bom nguyên tử.**

**D. Đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.**

**Câu 3.** Vị trí công nghiệp của Liên Xô trên thế giới trong những năm 50-60. nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX?

**A. Đứng thứ nhất.**

**B. Đứng thứ hai.**

**C. Đứng thứ ba.**

**D. Đứng thứ tư.**

**Câu 4.** Liên Xô là nước đã mở đầu kỉ nguyên

**A. chế tạo vũ khí hạt nhân.**

**B. sản xuất than và dầu mỏ.**

**C. chinh phục vụ trụ.**

**D. hòa bình, phát triển.**

**Câu 5.** Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?

**A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.**

**B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ**

**C. Đưa con người lên Mặt trăng**

**D. Đưa con người lên Sao Hỏa**

**Câu 6.** Ý đúng nhất về chính sách đối ngoại của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A. Hoà bình, trung lập**

**B. Hoà bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.**

**C. Tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ huỷ diệt loài người.**

**D. Kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mỹ**

**Câu 7.** Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự sụp đổ của chế độ XHCN Liên Xô và Đông Âu?

**A. Đã xây dựng một mô hình CNXH chưa đúng đắn, chưa phù hợp.**

**B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động lớn của tình hình thế giới.**

**C. Những sai lầm về chính trị, tha hoá về phẩm chất đạo đức của một số người lãnh đạo**

**D. Hoạt động chống phá của các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước.**

**Câu 8.** Liên bang Nga có vai trò như thế nào sau khi Liên Xô tan rã?

**A. Kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.**

**B. Đi đầu trong việc giải quyết các xung đột, tranh chấp quốc tế.**

**C. Là trung gian hòa giải các tranh chấp quốc tế.**

D. Là trụ cột của hòa bình thế giới.

**Câu 9.** Nội dung nào dưới đây *không* là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.

B. Không bắt kịp bước phát triển của khoa học - kĩ thuật tiên tiến.

C. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

D. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản.

**Câu 10.** Bài học quan trọng nhất rút ra cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu là

A. Phải có sự biến đổi linh hoạt phù hợp với thực tế, không xa rời nguyên tắc xã hội chủ nghĩa

B. Phải bắt kịp sự phát triển của khoa học- kĩ thuật

C. Kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch

D. Nhìn nhận khách quan những sai lầm và hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước

#### CHỦ ĐỀ 4. CHÂU Á - ẤN ĐỘ - CHÂU PHI- MĨ LA TINH

**Câu 1.** Biến đổi to lớn nhất của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Chủ nghĩa thực dân Âu Mỹ quay trở lại xâm lược.

B. Các nước Đông Nam Á tập trung phát triển kinh tế.

C. Hầu hết các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập của mình.

D. Các nước Đông Nam Á thành lập tổ chức cho khu vực mình.

**Câu 2.** Đây là yếu tố quyết định làm bùng nổ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)?

A. Sự thất bại của phát xít Nhật

B. Sự suy yếu của các nước thực dân

C. Sự cổ vũ của phong trào cách mạng thế giới

D. Mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt

**Câu 3.** Sự kiện phát xít đầu hàng đồng minh (8/1945) đã tạo điều kiện cho nhân dân các nước Đông Nam Á

A. đứng lên đấu tranh và nhiều nước giành được độc lập dân tộc

B. làm cách mạng thành công và thành lập các nước cộng hòa

C. đứng lên đấu tranh và tất cả các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập dân tộc

D. tự tuyên bố là các quốc gia độc lập

**Câu 4.** Sau khi giành được độc lập, bước vào phát triển kinh tế trong điều kiện khó khăn, nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á có nhu cầu gì?

A. Liên kết chặt chẽ với Mỹ

B. Hợp tác chặt chẽ với các nước XHCN

C. Hợp tác với nhau để cùng phát triển

D. Độc lập phát triển kinh tế

**Câu 5.** Trong giai đoạn 1946 - 1954, nhiệm vụ của cách mạng Lào là gì?

A. Kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

B. Giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

C. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

D. Cải cách đất nước theo con đường XHCN

**Câu 6.** Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, Chính phủ Campuchia thực hiện chính sách ngoại giao như thế nào?

A. Hòa bình, trung lập.

B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

C. Đoàn kết với Lào và Việt Nam trong mặt trận chung chống đế quốc Mỹ.

D. Mâu thuẫn gay gắt với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 7.** Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

A. các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.

B. nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.

C. mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

D. những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.



**Câu 8.** Mục tiêu thành lập của tổ chức ASEAN là

- A. Xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực thịnh vượng chung và hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
- B. Hợp tác có hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực.
- C. Xây dựng Đông nam Á thành một khu vực năng động, đoàn kết cùng phát triển.
- D. Phát triển kinh tế và văn hóa thông qua sự hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.**

**Câu 9.** Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

- A. có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia dân tộc.
- B. nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.
- C. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh và cục diện hai cực, hai phe.**
- D. các nước thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 10.** Sau giai đoạn 1967 – 1975, văn kiện nào kí kết đã đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN

- A. tuyên bố nhân quyền ASEAN
- B. Hiến chương ASEAN
- C. Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á.**
- D. Tuyên bố ứng xử trên biển Đông.

**Câu 11.** Ngay sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện chiến lược gì?

- A. Công nghiệp hóa XHCN
- B. Ngả về Phương Tây
- C. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu**
- D. Công nghiệp hóa lấy nhập khẩu làm chủ đạo

**Câu 12.** Thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã đạt được thành tựu nào dưới đây?

- A. Phát triển một số ngành chế biến chế tạo.
- B. Sản xuất đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân.
- C. Góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.
- D. Mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.**

**Câu 13.** So với chiến lược kinh tế hướng nội, chiến lược kinh tế hướng ngoại của các nước tham gia sáng lập ASEAN có gì khác?

- A. Phát triển các ngành sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay hàng nhập khẩu.
- B. Chú trọng sản xuất hàng nội địa và xuất khẩu.
- C. Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.
- D. Lấy xuất khẩu làm chủ đạo, mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư.**

**Câu 14.** Bản chất của mối quan hệ ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1979:

- A. Hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học.
- B. Đối đầu căng thẳng.**
- C. Chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại.
- D. Giúp đỡ nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ.

**Câu 15.** Vì sao bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh"?

- A. Vì phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.**
- B. Vì nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.
- C. Vì tất cả các nước châu Á giành được độc lập.
- D. Vì châu Á có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

**Câu 16.** Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

- A. Indônêxia, Việt Nam, Lào.
- B. Campuchia, Malaixia, Brunây.
- C. Indônêxia, Xingapo, Malaixia.
- D. Miến Điện, Việt Nam, Philippin.

- Câu 17.** Yếu tố nào sau đây quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. Sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.
  - B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.**
  - C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.
  - D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.
- Câu 18.** Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ Latinh được mệnh danh là:
- A. "Hòn đảo tự do"
  - B. "Lục địa mới trời dậy".
  - C. "Đại lục núi lửa"**
  - D. "Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội".
- Câu 19.** Thắng lợi mở đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi là:
- A. Cách mạng Môdambich.
  - B. Cuộc đấu tranh của nhân dân Angieri.
  - C. Cách mạng Ai Cập.**
  - D. Cách mạng của nhân dân Angola.
- Câu 20.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, châu Phi được mệnh danh là "Lục địa mới trời dậy" vì
- A. Thường xuyên bị động đất
  - B. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc
  - C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.**
  - D. 17 nước giành được độc lập.
- Câu 21.** Sau chiến tranh thế giới thứ 2 phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, nổ ra sớm nhất ở?
- A. Tây Phi
  - B. Trung Phi
  - C. Bắc Phi**
  - D. Nam Phi
- Câu 22.** Năm 1960 được lịch sử ghi nhận là "Năm châu Phi" bởi vì năm này
- A. mở đầu cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi.
  - B. có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.**
  - C. chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó bị tan rã.
  - D. chấm dứt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi
- Câu 23.** Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ , cùng hệ thống thuộc địa cũ của nó ở châu Phi ?
- A. Nước Cộng hòa nhân dân Ăng-gô-la ra đời (11/1975)**
  - B. 1960: Năm châu Phi
  - C. 1962: Năm An giê ri được công nhận độc lập
  - D. 1994: Nen-Xơn Man -đê-la trở thành Tổng Thống da đen đầu tiên
- Câu 24.** Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
- A. Đấu tranh vũ trang.**
  - B. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.
  - C. Đấu tranh chính trị.
  - D. Đấu tranh nghị trường.
- Câu 25.** Nước nào sau đây được mệnh danh là "Lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh" sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. Nicanagoa
  - B. Chile
  - C. Cuba**
  - D. Aentina
- Câu 26.** Đối tượng đấu tranh của các nước châu Phi là gì?
- A. Chống chế độ độc tài thân Mĩ.
  - B. Chống lại ách cai trị của thực dân Anh.
  - C. Chống lại ách cai trị của các nước đế quốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
  - D. Chống lại ách cai trị của các nước đế quốc phương Tây.**
- Câu 27.** Đối tượng đấu tranh của các nước Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?
- A. Chống chế độ độc tài thân Mĩ.**
  - B. Chống lại ách cai trị của thực dân Anh.
  - C. Chống lại ách cai trị của các nước đế quốc phương Tây.
  - D. Chống lại ách cai trị của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
- Câu 28.** Mĩ Latinh là "sân sau" của Mĩ vì

- A. bị Mĩ khống chế, lệ thuộc về kinh tế, chính trị và ngoại giao vào Mĩ.**  
**B.** là các nước nằm trong cùng một khối quân sự với Mĩ.  
**C.** nơi có trình độ phát triển thấp, phải nhận viện trợ từ Mĩ.  
**D.** là khu vực chiếm đóng trực tiếp của quân đội Mĩ.
- Câu 29.** Chính quyền độc tài ở nhiều nước Mĩ Latinh bị lật đổ là do  
**A.** ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.  
**B. phong trào đấu tranh vũ trang bùng nổ, giành thắng lợi ở Mĩ Latinh.**  
**C.** sự phát triển nhanh chóng của kinh tế khu vực Mĩ Latinh.  
**D.** thắng lợi cách mạng của nhân dân Caribê.
- Câu 30.** Nội dung nào là điểm tương đồng giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?  
**A.** Chỉ theo khuynh hướng vô sản. **B. Kết quả đấu tranh.**  
**C.** Có một tổ chức lãnh đạo thống nhất. **D.** Chỉ sử dụng đấu tranh vũ trang.
- Câu 31.** Điểm khác nhau cơ bản trong mục tiêu phong trào đấu tranh ở Mĩ Latinh với châu Phi thế kỉ XX là  
**A. đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ.** **B.** đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.  
**C.** giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập. **D.** chống sự phân biệt sắc tộc.
- Câu 32.** Yếu tố nào sau đây khiến bản đồ chính trị thế giới có sự thay đổi to lớn và sâu sắc sau Chiến tranh thế giới thứ hai?  
**A. Thắng lợi của các nước Á, Phi, Mỹ La tinh trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.**  
**B.** Các quốc gia độc lập ngày càng tích cực tham gia vào đời sống chính trị thế giới.  
**C.** Những thành tựu to lớn trong xây dựng đất nước của nhiều quốc gia trên thế giới.  
**D.** Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật.
- Câu 33.** Nhận xét nào dưới đây phù hợp với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?  
**A.** Đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của các chính đảng vô sản.  
**B. Diễn ra liên tục, sôi nổi với các hình thức đấu tranh khác nhau.**  
**C.** Xóa bỏ được hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.  
**D.** Bùng nổ sớm nhất và phát triển mạnh tại khu vực Nam Phi.
- Câu 34.** Quốc gia đầu tiên ở châu Á chinh phục khoảng không vũ trụ là  
**A.** Nhật Bản. **B. Trung Quốc.** **C.** Việt Nam. **D.** Ấn Độ.
- Câu 35.** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đường lối cải cách - mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 2000?  
**A.** Hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.  
**B. Tìm cách liên kết với các nước tư bản để nhận được sự giúp đỡ về kinh tế.**  
**C.** Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường.  
**D.** Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
- Câu 36.** Những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, nước có tốc độ tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới là:  
**A.** Mĩ **B.** Nhật Bản **C. Trung Quốc** **D.** Hàn Quốc
- Câu 37.** Đặc điểm chính sách đối ngoại của Trung Quốc 1979 đến nay là?  
**A.** Tiếp tục đường lối đóng cửa  
**B.** Duy trì hai đường lối bất lợi cho Trung Quốc  
**C. Mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới.**  
**D.** Chỉ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa
- Câu 38.** "Phương án Maobátôn" của thực dân Anh có nội dung chia đất nước Ấn Độ thành hai quốc gia nào trên cơ sở tôn giáo?  
**A.** Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Ápganixtan của người theo Hồi giáo.

**B. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.**

**C. Ấn Độ của người theo Hồi giáo, Pakistan của người theo Ấn Độ giáo.**

**D. Ấn Độ của người theo Hồi giáo, Ápganixtan của người theo Hin đư giáo.**

**Câu 39.** Sau khi giành được độc lập Ấn Độ xây dựng đất nước theo phương thức nào?

**A. Tiến hành xây dựng chế độ tư bản**

**B. Tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa**

**C. Xây dựng chế độ độc tài**

**D. Đường lối trung lập**

**Câu 40.** Một trong những tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A. góp phần làm xói mòn và tan rã trật tự thế giới hai cực lanta.**

**B. thúc đẩy Mỹ phải chấm dứt tình trạng Chiến tranh lạnh với Liên Xô.**

**C. góp phần hình thành các liên minh kinh tế - quân sự khu vực.**

**D. thúc đẩy các nước tư bản hòa hoãn với các nước xã hội chủ nghĩa.**

**LƯU Ý:**

## 1. HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

### a, Sự thành lập

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều giành độc lập, một số nước có nhu cầu hợp tác để cùng nhau phát triển kinh tế.

- Tránh ảnh hưởng của chiến tranh để quốc đang lan rộng.

- Sự hoạt động hiệu quả của các tổ chức mang tính chất khu vực, tiêu biểu là EEC

=> **Ngày 8/8/1967: tại thủ đô Băng Cốc (Thái Lan), 5 quốc gia đầu tiên tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN):** *Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philippin, Thái Lan.*

### b, Mục đích và nguyên tắc hoạt động

- *Mục đích:* Hợp tác, liên kết, phát triển kinh tế, văn hóa giữa các nước thành viên.

- *Nguyên tắc hoạt động:* được ban hành tại hội nghị Ba-li (1976)

### c, Hoạt động

- Từ năm 1967 đến 1976 : non yếu, lỏng lẻo. Mâu thuẫn với nhau trong vấn đề Đông Dương và Cam-pu-chia.

- Từ năm 1976 đến nay : khởi sắc, hoạt động tương đối hiệu quả.

Thời gian	Quốc gia – thứ tự thành viên
1984	Bru-nây – thành viên thứ sáu.
1995	Việt Nam – thành viên thứ bảy
1997	Lào và Mianma – thành viên thứ tám, chín.
1999	Campuchia – thành viên thứ mười.

**d, Quá trình mở rộng:** Từ 5 nước ban đầu, ASEAN có quá trình mở rộng thành viên:

## 2. PHONG TRÀO GPDT CHÂU PHI-MĨ LA TINH

### \*Giống nhau

phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1945). Hầu hết các nước đều giành đc độc lập

### \*khác nhau

Tiêu chí so sánh	Châu Phi	Khu Vực Mỹ-Latinh
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản dân tộc	Vô sản và tư sản dân tộc
Nhiệm vụ cách mạng	Chống chủ nghĩa thực dân cũ	Chống thực dân kiểu mới
Hình thức đấu tranh	Đấu tranh chính trị hợp pháp và thương lượng	Nhiều hình thức đấu tranh phong phú (bãi công, nổi dậy...)
sự phát triển kinh tế sau chiến tranh	Hầu hết các nước đều đứng trước vấn đề khó khăn, nan giải...	Bộ mặt đất nước thay đổi khác trước. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới

## **CHỦ ĐỀ 5. MỸ – NHẬT BẢN – TÂY ÂU**

### **I. TÓM TẮT.**

#### **\* MỸ:**

##### **1. Kinh tế:**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ:
- => Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- Nguyên nhân:...

##### **2. Về Khoa học Kỹ thuật**

- Mỹ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và đạt được nhiều thành tựu lớn.

##### **3. Chính sách đối ngoại**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.
- Mục tiêu :
  - + Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt CNXH.
  - + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
  - + Khống chế, chi phối các nước Đồng minh.

#### **\* NHẬT BẢN.**

##### **1. Kinh tế:**

- 1945: Chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh
- 1945-1952. SCAP tiến hành 3 cải cách lớn:
  - => Từ năm 1950 – 1951: Nhật khôi phục kinh tế. Kinh tế đạt mức trước chiến tranh .
  - Từ 1952 - 1973
    - + Kinh tế Nhật Bản đã có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là trong giai đoạn từ 1960 - 1973, được gọi là sự phát triển "thần kì" trong lịch sử Nhật Bản.
    - + Đầu những năm 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới cùng với Mỹ và Tây Âu.
  - Từ 1973 – 1991
    - + Do tác động khủng hoảng năng lượng, kinh tế Nhật thường khủng hoảng và suy thoái ngắn.
    - + Từ nửa sau 1980, Nhật vươn lên trở thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.
  - Từ 1991 – 2000: Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (năm 2000, GNP là 4746 tỷ USD, GDP bình quân là 37408 USD)
- 2. Đối ngoại: Nét nổi bật và xuyên suốt là liên minh với Mỹ

#### **\* TÂY ÂU**

##### **1. Kinh tế:**

- 1945 – 1950: Dựa vào viện trợ của Mỹ, đến 1950: phục hồi
- 1950 – 1973: Phát triển mạnh, trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới
- Từ 1973 đến đầu thập niên 90: khủng hoảng, suy thoái và không ổn định
- Từ năm 1991 đến năm 2000: Kinh tế phục hồi và phát triển trở lại

##### **2. Đối ngoại:...**

##### **3. Vai trò của Liên minh Châu Âu**

- Thúc đẩy sự liên minh, hợp tác giữa các nước thành viên trong mọi lĩnh vực: kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh với việc sử dụng đồng tiền chung Euro, hủy bỏ việc kiểm soát đi lại qua biên giới của các nước thành viên.
- EU là tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của toàn thế giới, có trình độ khoa học - kỹ thuật tiên tiến nhất

## II. CÂU HỎI TN:

**Câu 1.** Trong giai đoạn 1945 - 1973, kinh tế Mỹ

- A. khủng hoảng và suy thoái.
- B. phát triển mạnh mẽ.
- C. phát triển xen kẽ suy thoái.
- D. phục hồi và phát triển.

**Câu 2.** Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật.
- B. Mỹ giao lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

**Câu 3.** Khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành

- A. cường quốc duy nhất phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. cường quốc độc quyền về vũ khí nguyên tử.
- C. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- D. cường quốc duy nhất bá chủ thế giới.

**Câu 4.** Từ năm 1945 đến năm 1973, kinh tế Mỹ có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Phục hồi và phát triển trở lại.
- B. Phát triển nhanh chóng.
- C. Phát triển không ổn định.
- D. Khủng hoảng suy thoái.

**Câu 5.** Lí do Mỹ đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học-kỹ thuật

- A. Mỹ là nước khởi đầu cách mạng khoa học- kỹ thuật lần thứ hai.
- B. Chính sách Mỹ đặc biệt quan tâm phát triển khoa học- kỹ thuật, coi đây là trung tâm chiến lược để phát triển đất nước.
- C. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mỹ, nhiều phát minh khoa học được nghiên cứu và ứng dụng tại Mỹ.
- D. Mỹ chủ yếu là mua bằng phát minh

**Câu 6.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là nhân tố thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển?

- A. Lợi dụng chiến tranh làm giàu
- B. Áp dụng Khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng
- C. Tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển như chiến tranh ở Triều Tiên, Việt Nam.
- D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú

**Câu 7.** Điểm nổi bật của kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Kinh tế Mỹ suy thoái, khủng hoảng
- B. Mỹ đứng đầu thế giới về không quân và hải quân
- C. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế lớn nhất ở châu Mỹ
- D. Mỹ trở thành trung tâm lãnh tế - tài chính lớn nhất của thế giới

**Câu 8.** " Kế hoạch Mác – san" ( 1946 ) còn được gọi là?

- A. "Kế hoạch phục hưng châu Âu"
- B. Kế hoạch khôi phục châu Âu
- C. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu
- D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu

**Câu 9.** Mục đích chính trị của kế hoạch Mácsan do Mỹ thực hiện là gì?

- A. Lôi kéo và khống chế các nước Tây Âu làm đồng minh chống Liên Xô và các nước XHCN.
- B. Giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
- C. Tấn công Liên Xô và Đông Âu từ phía tây.
- D. Chia cắt châu Âu thành hai phe, làm cho châu Âu suy yếu.

**Câu 10.** Mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. xâm lược các nước ở khu vực châu Á.

- B. lôi kéo các nước Tây Âu vào khối quân sự NATO.
- C. bao vây, tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. thực hiện chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

**Câu 11.** Cơ sở để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu thực hiện tham vọng bá chủ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Phong trào cách mạng thế giới suy yếu.
- B. Sự suy yếu của Liên Xô và các nước tư bản châu Âu.
- C. Sự ủng hộ của các nước đồng minh của Mỹ.
- D. **Tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn của Mỹ.**

**Câu 12.** Thành công lớn nhất của Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu là gì?

- A. **Khống chế, chi phối được các nước tư bản đồng minh Tây Âu, Nhật Bản.**
- B. Góp phần quan trọng làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.
- C. Góp phần làm chia cắt bán đảo Triều Tiên thành hai nhà nước riêng biệt.
- D. Đàn áp được phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân trên thế giới.

**Câu 13.** Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 1973 đến năm 1991 là

- A. bao vây, cấm vận Việt Nam và Cuba.
- B. tiếp tục tiến hành chiến tranh lạnh chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. tiếp tục tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi trên thế giới.
- D. **điều chỉnh chính sách đối ngoại và tuyên bố Chấm dứt Chiến tranh lạnh.**

**Câu 14.** Điểm nào **không** phải là mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ giai đoạn 1945 - 1973?

- A. **Thành lập các khối quân sự nhiều nơi trên thế giới.**
- B. Ngăn chặn, tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- C. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.
- D. Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 15.** Sự kiện nào có ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lí người Mỹ trong nửa sau thế kỉ XX là

- A. những cuộc đấu tranh của người da đen chống chế độ phân biệt chủng tộc.
- B. vụ khủng bố 11/9 tại trung tâm thương mại Mỹ.
- C. sự thất bại của quân đội Mỹ trên chiến trường Iraq.
- D. **sự thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.**

**Câu 16.** Trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, Mỹ đạt được kết quả nào dưới đây?

- A. Duy trì sự tồn tại và hoạt động của tất cả các tổ chức quân sự.
- B. **Chi phối được nhiều nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.**
- C. Trực tiếp xoá bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Duy trì vị trí cường quốc số một thế giới trên mọi lĩnh vực.

**Câu 17.** Việt Nam có thể rút ra kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

- A. nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.
- B. tăng cường đẩy mạnh hợp tác với các nước khác.
- C. **ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật.**
- D. khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.

**Câu 18.** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất ?

- A. **Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.**
- B. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.
- C. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
- D. Thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.

**Câu 19.** Theo thỏa thuận của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào được quyền chiếm đóng Nhật?

- A. Anh**                      **B. Mĩ**                      **C. Pháp**                      **D. Liên Xô**
- Câu 20.** Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 2000 là gì?  
**A.** Liên minh chặt chẽ với các nước Tây Âu.  
**B.** Đối ngoại với các nước trên phạm vi toàn cầu.  
**C. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.**  
**D.** Chú trọng quan hệ với các nước Đông Nam Á.
- Câu 21.** Từ năm 1952 đến năm 1960, tình hình kinh tế Nhật Bản như thế nào?  
**A.** Bước đầu suy thoái.                      **B. Có bước phát triển nhanh.**  
**C.** Phát triển xen lẫn suy thoái.                      **D.** Cơ bản được phục hồi.
- Câu 22.** Giai đoạn được xem là phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản là vào thời gian nào?  
**A.** Từ năm 1960 đến năm 1969                      **B. Từ năm 1960 đến năm 1973.**  
**C.** Từ năm 1969 đến năm 1973                      **D.** Từ năm 1952 đến năm 1969
- Câu 23.** Ở Nhật Bản, nhân tố được xem là quyết định hàng đầu thúc đẩy kinh tế phát triển là:  
**A.** Áp dụng khoa học kĩ thuật  
**B.** Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước  
**C.** Chi phí quốc phòng thấp  
**D. Truyền thống " Tự lực tự cường".**
- Câu 24.** Để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học với các nước tư bản khác, Nhật Bản đã  
**A.** Đầu tư cho nhiều trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.  
**B.** Cử sinh viên học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.  
**C.** Coi trọng các môn khoa học tự nhiên và công nghệ ở trường học.  
**D. Mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.**
- Câu 25.** Nội dung phát triển khoa học kỹ thuật của Nhật Bản là?  
**A. Tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng.**  
**B.** Để nâng cao vị thế của Nhật trên trường quốc tế.  
**C.** Phát triển khoa học quân sự.  
**D.** Tập trung phát triển nghiên cứu vũ trụ .
- Câu 26.** Sức mạnh của các công ty độc quyền của Nhật Bản có ưu điểm nổi bật là gì?  
**A.** Tiềm lực vốn lớn nên có khả năng thay đổi công nghệ, mở rộng sản xuất.  
**B. Năng động, có tầm nhìn xa, có tiềm lực và khả năng len lỏi vào các thị trường.**  
**C.** Có khả năng chi phối, lũng đoạn nền kinh tế và chính sách của đất nước.  
**D.** Trình độ tư bản cao, có sức cạnh tranh lớn ở cả trong và ngoài nước.
- Câu 27.** Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, một trong những thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là  
**A.** coi trọng quan hệ với Đông Âu.                      **B.** chú trọng quan hệ với Trung Quốc.  
**C. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.**                      **D.** chỉ liên minh chặt chẽ với Mĩ.
- Câu 28.** Học thuyết đánh dấu sự "trở về" Châu Á trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là:  
**A.** Học thuyết Myadaoa                      **B.** Học thuyết Hasimoto  
**C.** Học thuyết Kaiphu                      **D. Học thuyết Phucuda**
- Câu 29.** Để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế, từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc  
**A. tài chính.**                      **B.** chính trị.                      **C.** khoa học - kĩ thuật.                      **D.** công nghệ.
- Câu 30.** Nét đặc sắc của văn hóa Nhật Bản là gì?  
**A. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.**  
**B.**Tuân thủ nghiêm ngặt quy luật tự nhiên và pháp luật Nhà nước.  
**C.**Tiếp thu có chọn lọc văn hóa ngoại lai.  
**D.** Con người luôn gần gũi hòa đồng với thiên nhiên.



**Câu 31.** Tổ chức liên kết chính trị - kinh tế khu vực lớn nhất thế giới vào cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX là

- A. Liên hợp quốc. **B. Liên minh châu Âu.**  
 C. Tổ chức thống nhất châu Phi. **D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á**

**Câu 32.** Mục tiêu của liên minh châu Âu EU là

- A. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ.  
 B. hợp tác liên minh trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại.  
**C. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh chung.**  
 D. hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, quân sự.

**Câu 33.** So với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), sự phát triển của Liên minh châu Âu (EU) có điểm khác biệt gì?

- A. Quá trình hợp tác, mở rộng thành viên diễn ra khá lâu dài.  
 B. Hạn chế sự can thiệp và chi phối của các cường quốc.  
 C. Hợp tác, giúp đỡ các nước trong khu vực phát triển kinh tế.  
**D. Diễn ra quá trình nhất thể hóa trong khuôn khổ khu vực.**

**Câu 34.** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, sự kiện nào dưới đây góp phần làm giảm rõ rệt tình hình căng thẳng ở châu Âu?

- A. Sự thành lập của Cộng đồng châu Âu (EC).  
 B. Sự tan rã của tổ chức Hiệp ước Vácava.  
 C. Sự giải thể của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).  
**D. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.**

**Câu 35.** Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mỹ, Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Biết xâm nhập vào thị trường các nước. **B. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.**  
**C. Áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.** **D. Giá nguyên liệu từ rẻ các nước trong thế thứ ba.**

**Câu 36.** Yếu tố nào dưới đây tác động đến việc các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực trong nửa sau thế kỷ XX?

- A. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật.** **B. Các nước lớn chi phối quan hệ quốc tế.**  
 C. Chủ nghĩa khủng bố, li khai xuất hiện. **D. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.**

**Câu 37.** Điểm chung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. cùng có tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.  
 B. cùng tham gia tổ chức NATO – một liên minh về quân sự.  
 C. cùng tham gia kế hoạch Mác-san, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế.  
**D. liên kết chặt chẽ với nhau để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.**

### MỘT SỐ CÂU HỎI BỔ SUNG PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

**Câu 1.** Việc Việt Nam là ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có ý nghĩa

- A. tạo cơ hội để Việt Nam hòa nhập với cộng đồng quốc tế.  
**B. nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam trên trường thế giới.**  
 C. nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, chính trị của Việt Nam với các nước.  
 D. góp phần thúc đẩy việc nhanh chóng ký kết các hiệp định thương mại của nước ta.

**Câu 2.** Số lượng thành viên của tổ chức Liên hợp quốc ngày càng đông nói lên điều gì

- A. Liên hợp quốc là một tổ chức có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy kinh tế.  
**B. Liên hợp quốc ngày càng trở thành một tổ chức đáng tin cậy có vị trí cao trên trường quốc tế.**

- C. Liên hợp quốc là một tổ chức đóng góp to lớn trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.
- D. Liên hợp quốc góp phần quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa.
- Câu 3.** Vai trò lớn nhất của Liên hợp quốc hiện nay là
- A. thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa giữa các quốc gia, khu vực.
- B. là trung gian giải quyết các tranh chấp trên lĩnh vực kinh tế.
- C. góp phần gìn giữ hòa bình an ninh và các vấn đề mang tính quốc tế.
- D. là trung tâm giải quyết những mâu thuẫn về dân tộc, sắc tộc trên thế giới.
- Câu 4.** Hiện nay, Việt Nam vận dụng nguyên tắc cơ bản nào của Liên hợp quốc để đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo?
- A. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kỳ nước nào.
- C. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- D. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- Câu 5.** Trật tự thế giới "hai cực" sụp đổ, những trật tự thế giới mới lại được hình thành như thế nào?
- A. Xu hướng "đơn cực" B. Xu hướng "đa cực"
- C. Xu hướng chia sẻ hợp tác D. Xu thế hòa bình hợp tác
- Câu 6.** Điều **không** phải là biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa?
- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.
- C. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế.
- D. Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm nền độc lập tự chủ của các quốc gia.
- Câu 7.** Nhân tố hàng đầu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn thời gian nửa sau thế kỷ XX là
- A. Trật tự thế giới đa cực. B. Trật tự hai cực – hai phe.
- C. Trật tự thế giới đơn cực. D. Trật tự Véc-xai – Oa-sinh-tơn.
- Câu 8.** Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành một hệ thống trên thế giới?
- A. Thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Châu Phi.
- B. Thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.
- C. Thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.
- D. Thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh.
- Câu 9.** Biểu hiện nào dưới đây **không** phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?
- A. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.
- B. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
- C. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- D. Các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp.
- Câu 10.** Từ năm 1991 đến năm 2000, các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp chủ yếu vì
- A. hợp tác chính trị - quân sự trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.
- B. muốn tiến tới giải thể tất cả các tổ chức quân sự trên thế giới.
- C. cần tập trung vào cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. muốn tạo môi trường quốc tế thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế.